

Số: 23A /QĐ-TCĐK-TCKT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Biểu lợi tức ủy thác quản lý vốn cá nhân tại
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

- Căn cứ Giấy phép số 72/GP-NHNN ngày 17/3/2008 và Quyết định 1617/QĐ-NHNN ngày 21/7/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cấp phép thành lập và hoạt động cho Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101057919, ngày 12/3/2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam;
- Xét đề nghị của Ban Tài chính Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “**Biểu lợi tức ủy thác quản lý vốn cá nhân**” tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/4/2010 và thay thế Quyết định 9101/QĐ-TCĐK-TCKT của Tổng Giám Đốc ký ngày 30/12/2009.

Điều 3: Các Ông/Bà Trưởng các phòng ban trong Tổng Công ty, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT (để báo cáo)
- Lưu VT, B.TCKT.



Nguyễn Thiện Bảo



BIỂU LỢI TỨC ỦY THÁC QUẢN LÝ VỐN CÁ NHÂN
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 231/QĐ-TCĐK-TCKT ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam)

1. Biểu lợi tức ủy thác quản lý vốn VND:

Kỳ lợi tức	Lợi tức (%/năm)
1 tháng	10,80
2 tháng	10,80
3 tháng	11,10
6 tháng	11,20
9 tháng	11,20
12 tháng	11,30
18 tháng	11,00
24 tháng	11,00

Biểu lợi tức của thời gian thực UTQLV theo từng kỳ lợi tức tương ứng:

Thời gian thực UTQLV (T)	Lợi tức (%/năm)
T < 1 tháng	3,00
1 tháng <= T < 2 tháng	10,26
2 tháng <= T < 3 tháng	10,26
3 tháng <= T < 6 tháng	10,55
6 tháng <= T < 9 tháng	10,64
9 tháng <= T < 12 tháng	10,64
12 tháng <= T < 18 tháng	10,74
18 tháng <= T < 24 tháng	10,45

2. Biểu lợi tức ủy thác quản lý vốn USD:

Kỳ lợi tức	Lợi tức (%/năm)
1 tháng	2,50
2 tháng	2,60
3 tháng	2,80
6 tháng	3,20
9 tháng	3,40
12 tháng	3,60
18 tháng	3,60
24 tháng	3,60

Biểu lợi tức của thời gian thực UTQLV theo từng kỳ lợi tức tương ứng::

Thời gian thực UTQLV (T)	Lợi tức (%/năm)
T < 1 tháng	0,20
1 tháng <= T < 2 tháng	2,38
2 tháng <= T < 3 tháng	2,47
3 tháng <= T < 6 tháng	2,66
6 tháng <= T < 9 tháng	3,04
9 tháng <= T < 12 tháng	3,23
12 tháng <= T < 18 tháng	3,42
18 tháng <= T < 24 tháng	3,42

